

(Lập theo mẫu hướng dẫn tại công văn số 352/UBCK-PTTT ngày 14/07/2006 của

Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước)

Công ty CP Giống cây trồng miền Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

(Quý 3 - năm 2008)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		9/30/2008	1/1/2008
STT	Nội dung	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	113,279,294,404	92,057,553,084
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	26,877,342,691	23,486,554,150
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5,031,904,343	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	20,257,013,013	26,808,917,434
4	Hàng tồn kho	57,534,266,512	40,171,450,034
5	Tài sản ngắn hạn khác	3,578,767,844	1,590,631,466
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	62,360,442,211	64,190,765,203
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	48,836,668,085	50,814,265,694
	- TSCĐ hữu hình	19,935,877,051	20,115,236,636
	- TSCĐ vô hình	28,621,204,522	28,502,660,736
	- TSCĐ thuê tài chính	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	279,586,512	2,196,368,322
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9,477,650,000	9,477,650,000

5	Tài sản dài hạn khác	4,046,124,126	3,898,849,509
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	175,639,736,615	156,248,318,287
IV	NỢ PHẢI TRẢ	32,475,589,439	30,945,584,505
1	Nợ ngắn hạn	26,144,250,363	24,037,745,429
2	Nợ dài hạn	6,331,339,076	6,907,839,076
V	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	143,164,147,175	125,302,733,782
1	Vốn chủ sở hữu	142,703,333,333	124,934,850,105
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100,000,000,000	100,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	528,054,000	528,054,000
	- Cổ phiếu quỹ	(2,728,050,000)	(9,800,000)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	- Các Quỹ	28,206,685,280	22,409,042,679
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16,696,644,053	2,007,553,426
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	460,813,842	367,883,677
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	460,813,842	367,883,677
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	175,639,736,615	156,248,318,287

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Quý 3/08	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	41,277,404,778	166,233,580,711
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1,837,601,255	7,223,852,395

3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39,439,803,523	159,009,728,316
4	Giá vốn hàng bán	27,118,559,892	101,993,583,034
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12,321,243,631	57,016,145,282
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1,655,557,786	2,738,409,184
7	Chi phí tài chính	545,157,262	1,875,386,254
8	Chi phí bán hàng	3,643,141,216	13,120,565,408
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,324,918,127	13,809,036,367
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5,463,584,813	30,949,566,436
11	Thu nhập khác	15,792,723	49,481,168
12	Chi phí khác	-	35,272,697
13	Lợi nhuận khác	15,792,723	14,208,471
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5,479,377,536	30,963,774,907
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	553,723,798	3,102,163,535
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4,925,653,738	27,861,611,372
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	#REF!	4,644
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu/ 1 năm	12%	12%

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

(chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	35.50%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	64.50%
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	18.49%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	81.51%

3	Khả năng thanh toán		
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	1.03
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	4.33
4	Tỷ suất lợi nhuận		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	3.12%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	12.49%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	3.44%

Ngày 19 tháng 10 năm 2008

Tổng giám đốc

Hàng Phi Quang

Ghi chú: - Công ty được phép niêm yết bổ sung 4.000.000 (bốn triệu cổ phiếu) theo quyết định số 59/QĐ-TTGDCK ngày 01/06/2007 của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Tp.Hồ Chí Minh. Mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu, ngày chính thức giao